|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2021/NQ-HĐND | *Hà Tĩnh, ngày tháng 12 năm 2021* |

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định giá cụ thể sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi**

**năm 2021 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH   
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 4**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;*

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng Ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;*

*Thực hiện Quyết định số 1477/QĐ-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài chính về giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về việc ban hành Quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** **Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định giá cụ thể sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi áp dụng cho năm ngân sách năm 2021 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các tổ chức, cá nhân cung cấp và sử dụng dịch vụ thủy lợi công ích.

b) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**Điểu 2.** Quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh như sau:

1. Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Vùng và biện pháp công trình** | **Giá cụ thể (nghìn đồng/ha/vụ)** |
| 1 | Vùng miền núi |  |
|  | Tưới tiêu bằng động lực | 1.811 |
|  | Tưới tiêu bằng trọng lực | 1.267 |
|  | Tưới tiêu bằng trọng lực kết hợp động lực hỗ trợ | 1.539 |
| 2 | Vùng đồng bằng |  |
|  | Tưới tiêu bằng động lực | 1.433 |
|  | Tưới tiêu bằng trọng lực | 1.003 |
|  | Tưới tiêu bằng trọng lực kết hợp động lực hỗ trợ | 1.218 |

a) Trường hợp tưới, tiêu chủ động một phần thì mức giá bằng 60% mức giá tại Biểu trên.

b) Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng trọng lực thì mức giá bằng 40% mức giá tại Biểu trên.

c) Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng động lực thì mức giá bằng 50% mức giá tại Biểu trên.

d) Trường hợp lợi dụng thủy triều để tưới, tiêu thì mức giá bằng 70% mức giá tưới, tiêu bằng trọng lực quy định tại Biểu trên.

đ) Trường hợp phải tạo nguồn từ bậc 2 trở lên đối với các công trình được xây dựng theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, mức giá được tính tăng thêm 20% so với giá quy định tại Biểu trên.

e) Trường hợp phải tách riêng mức giá cho tưới, tiêu trên cùng một diện tích thì mức giá cho tưới được tính bằng 70%, mức giá cho tiêu được tính bằng 30% mức giá quy định tại Biểu trên.

2. Mức giá đối với diện tích trồng mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày kể cả cây vụ đông được tính bằng 40% mức giá đối với đất trồng lúa.

3. Mức giá áp dụng đối với sản xuất muối được tính bằng 2% giá trị muối thành phẩm.

4. Mức giá đối với cấp nước để chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu (nếu có) được tính theo Biểu sau:

| **TT** | **Các đối tượng dùng nước** | **Đơn vị** | **Mức giá cụ theo các biện pháp công trình** | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bơm** | **Hồ đập, kênh cống** |
| 1 | Cấp nước cho chăn nuôi | đồng/m3 | 1.320 | 900 |
| 2 | Cấp nước để nuôi trồng thủy sản | đồng/m3 | 840 | 600 |
| đồng/m2 mặt thoáng/năm | 250 | |
| 3 | Cấp nước tưới các cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu | đồng/m3 | 1.020 | 840 |

a) Trường hợp cấp nước để nuôi trồng thủy sản lợi dụng thủy triều được tính bằng 50% mức giá quy định tại Biểu mức giá đối với cấp nước nêu trên.

b) Trường hợp cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa, cây dược liệu nếu không tính được theo mét khối (m3) thì tính theo diện tích (ha), mức giá bằng 80% mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa cho một năm.

5. Tiêu, thoát nước khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị mức giá bằng 5% mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi của tưới đối với đất trồng lúa/vụ.

**Điều 2.** Mức giá trên được tính từ điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi giữa tổ chức, cá nhân cung cấp và tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ đến vị trí công trình thủy lợi đầu mối ở vị trí khởi đầu và là giá không có thuế giá trị gia tăng.

Các khoản chi phí từ điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đến khu đất canh tác thuộc trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi.

**Điều 3.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

**Điều 4.** Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh Khóa XVIII, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày… tháng 12 năm 2021./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ủy ban Thường vụ Quốc hội; - Ban Công tác đại biểu UBTVQH; - Văn phòng Quốc hội; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ; - Các Bộ: Tài chính; NN&PTNT; - Kiểm toán nhà nước khu vực II; - Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp; - TTr: Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh; - Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Hà Tĩnh; - Đại biểu HĐND tỉnh; - Văn phòng Tỉnh ủy; - VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;  - Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; - TTr: HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã; - Trang thông tin điện tử tỉnh;  - Trung tâm CB-TH tỉnh ;  - Lưu: VT. | **CHỦ TỊCH**  **Hoàng Trung Dũng** |